

NỘI DUNG BÀI HỌC NGỮ VĂN 6 – TUẦN 23

Năm học 2020-2021

Văn bản BUỔI HỌC CUỐI CÙNG

An-phông-xơ Đô-đê

A. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT (PHẦN KHÔNG GHI VÀO VỞ BÀI HỌC)

1. Kiến thức

- Nắm vững cốt truyện, nhân vật và chủ đề tư tưởng của truyện.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng quan sát, nhận xét văn bản, đọc và tóm tắt truyện.

3. Thái độ

- Có thái độ đúng đắn trong việc giữ gìn và yêu quý tiếng mẹ đẻ.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC (GHI VÀO VỞ BÀI HỌC)

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

1. Tác giả:

- Là nhà văn viết truyện ngắn nổi tiếng của Pháp TK XIX.

2. Tác phẩm:

a. Hoàn cảnh sáng tác, ngôi kể

- Truyện “Buổi học cuối cùng” lấy bối cảnh từ một biến cố lịch sử: Sau cuộc chiến tranh Pháp – Phổ năm 1870-1871, nước Pháp thua trận, hai vùng An-dát và Lo-ren giáp biên giới với Phổ bị nhập vào nước Phổ. Cho nên các trường học ở hai vùng này bị buộc học tiếng Đức. Truyện viết về buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp ở một trường làng thuộc vùng An-dát.

- Kể theo ngôi thứ nhất qua lời kể của Phrăng – học trò thầy Ha-men.

b. Bố cục: 3 phần.

c. Thể loại và PTBĐ

- Thể loại: truyện ngắn

- PTBĐ: Miêu tả + biểu cảm

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Nhân vật Phrăng

a/ Trước buổi học:

- Định trốn học nhưng cưỡng lại được. => chưa chăm, lười học

- Không khí trong lớp học: lặng ngắt, thầy Ha-men dịu dàng.

- Tất cả những điều khác thường trên đã báo hiệu một cái gì nghiêm trọng, khác thường:

+Vùng An- dat của Pháp đã rơi vào tay nước Đức.

+Việc học tập không còn như trước nữa.

+Tiếng Pháp sẽ không còn được dạy.

b/ Trong buổi học:

- Khi biết đây là buổi học cuối cùng: Choáng váng, sững sờ khi biết đó là buổi học tiếng Pháp cuối cùng.

- Khi thầy gọi đọc bài: Ân hận và tiếc nuối vì đã lười nhác, ham chơi; Xấu hổ vì đã không thuộc bài.

- Khi nghe thầy giảng bài tiếng Pháp: Kinh ngạc vì chưa bao giờ thấy mình hiểu bài đến thế.

=> Chú bé hồn nhiên, chân thật; biết căm thù quân xâm lược; biết yêu lẽ phải; tình yêu tiếng Pháp; trân trọng biết ơn người thầy giáo...

c/ Kết thúc buổi học:

- Phrăng xúc động trước hình ảnh lớn lao, đẹp đẽ, cao cả của thầy Ha-men.

-> Miêu tả diễn biến tâm lý tinh tế, chân thực.

=> Hồn nhiên, chân thật, biết lẽ phải; yêu nước, yêu tiếng nói dân tộc; quý trọng, biết ơn thầy.

2. Thầy giáo Ha -men

* **Trang phục:** Trang trọng: áo rơ-đanh-gốt diềm lá sen, mũ bằng lụa thêu ren.

* **Thái độ:** dịu dàng ân cần, nhẹ nhàng với HS; nhiệt tình, say sưa giảng dạy bài học tiếng Pháp.

* **Lời nói:**

- Tình cảm yêu nước sâu đậm, tự hào về tiếng nói của dân tộc mình.

* **Hành động, cử chỉ:**

- Người tái nhợt, nghẹn ngào, không nói hết câu.

- "Nước Pháp muôn năm!"

=> Một người thầy đáng kính say mê, yêu trẻ, yêu nghề dạy học và có tấm lòng yêu nước sâu sắc.

III. GHI NHỚ

Sgk/55

C. BÀI TẬP Củng Cố

Câu 1: Trong câu chuyện, em ấn tượng với nhân vật nào? Vì sao?

Câu 2: Tóm tắt lại diễn biến tâm trạng của nhân vật Phrăng.

Câu 3: Là học sinh, em sẽ làm gì để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt?

Câu 4: Truyện Buổi học cuối cùng được kể theo lời nhân vật nào?

A. Thầy Ha-men.

C. Nhân vật xưng tôi tên là Phrăng.

B. Bác phó rèn Oát-stơ.

D. Cụ già Hô-de.

Câu 5: Thầy Ha-men có thái độ như thế nào đối với học sinh trong buổi học cuối cùng?

A. Ân cần, dịu dàng, kiên nhẫn giảng bài cho học sinh.

B. Mất tập trung và thường nổi cáu với học sinh,

C. Không buồn giảng bài cho học sinh nữa.

D. Thầy cảm thấy vui vẻ vì từ ngày mai không phải dạy cho lũ học trò tinh nghịch nữa.

Câu 6: Giá trị cao cả của truyện “Buổi học cuối cùng” là gì?

A. Thể hiện tinh thần chống chiến tranh xâm lược.

B. Thể hiện lòng yêu nước trong một biểu hiện cụ thể là yêu tiếng nói dân tộc.

C. Lên án những nhà lãnh đạo nước Pháp trong việc nhượng đất đai cho nước Phổ.

D. Đề cao tình thầy trò và lòng gắn bó với mái trường thân yêu.

Câu 7: Chân lí được nêu ra trong truyện “Buổi học cuối cùng” là gì?

A. Tình thầy trò là cao quý nhất, không có gì có thể thay đổi được thứ tình cảm quý báu ấy.

B. Khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khóa chốn lao tù.

C. Nếu một dân tộc mà mọi người dân đều có lòng yêu nước thì dân tộc đó sẽ không bao giờ rơi vào vòng nô lệ.

D. Tình yêu quê hương, đất nước phải được thể hiện trước tiên qua tình yêu chữ viết và tiếng nói.

Tiếng việt
NHÂN HOÁ

A. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT (PHẦN KHÔNG GHI VÀO VỞ BÀI HỌC)

1. Kiến thức:

- Hiểu được thế nào là nhân hóa.
- Nắm được các kiểu nhân hóa.
- Nắm được tác dụng của nhân hóa.

2. Kỹ năng :

- Nhận biết và bước đầu phân tích được giá trị biểu cảm của phép tu từ nhân hóa.
- Sử dụng phép nhân hóa trong khi nói và viết.

3. Thái độ:

Học sinh có ý thức học tốt trong giờ học tiếng Việt.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC (PHẦN GHI VÀO VỞ BÀI HỌC)

I. TÌM HIỂU BÀI

1. Nhân hóa là gì?

Ví dụ: SGK/56

- Ông trời

Mặc áo giáp đen

Ra trận

- Muôn nghìn cây mía

Múa gươm

- Kiến

Hành quân

-> Nhân hóa

=> Làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật, ..trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm của con người.

* Ghi nhớ: SGK/56

2. Các kiểu nhân hóa.

Ví dụ: SGK/57

- ... lão Miệng, bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay

=> Dùng từ ngữ vốn gọi người để gọi sự vật.

- ... chống lại, xung phong, giữ

=> Dùng từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hành động, tính chất của vật.

- Trâu oi

=>- Trò chuyện, xưng hô với vật như với người.

* Ghi nhớ: SGK/57

II. LUYỆN TẬP

- **Làm BT 1, 2, 3, 4/ SGK trang 58, 59**

C. Củng cố

Câu 1: Viết đoạn văn miêu tả (5 - 7 câu) về việc bảo vệ môi trường, có sử dụng phép nhân hóa.

Câu 2. Hình ảnh nào sau đây không phải, hình ảnh nhân hóa?

A. Trâu ơi, ta bảo trâu này

Trâu ăn no cỏ trâu cày với ta

B. Trên cành cao, những chú chim đua nhau hót mừng mùa xuân.

C. Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

D. Anh mang lá thư, đặt nhẹ vào tay cô gái.

Câu 3. Có mấy kiểu nhân hóa thường gặp?

A. 3 kiểu

C. 5 kiểu

B. 4 kiểu

D. 6 kiểu

Câu 4. Cho biết câu: “Tre xung phong vào xe tăng đại bác, tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín, tre hi sinh để bảo vệ con người” được tạo ra bằng cách nào?

- A. Dùng từ vốn gọi người để gọi vật
- B. Dùng từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật
- C. Trò chuyện, xưng hô với vật như với người
- D. Ẩn dụ tình cảm, nỗi nhớ thương người yêu

Câu 5. Trong câu thơ: “Những chòm sao thức ngoài kia/ Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con” sử dụng biện pháp nhân hóa nào?

- A. Dùng từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động tính chất của vật
- B. Trò chuyện xưng hô với vật như đối với người
- C. Dùng từ vốn gọi người để gọi vật
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 6. Trong câu “Bảo bùng thân bọc lấy thân / Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm” là câu nhân hóa tả?

- | | |
|--------------|---------------|
| A. Hình dáng | C. Hoạt động |
| B. Tính chất | D. Trạng thái |

Câu 7. “Dòng sông mới điệu làm sao/ Nắng lên mặc áo lụa đào thướt tha” là câu thơ miêu tả?

- A. Hoạt động
- B. Hình dáng
- C. Tính chất
- D. Tính cách

Tập làm văn

PHƯƠNG PHÁP TẢ NGƯỜI

A. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT (PHẦN KHÔNG GHI VÀO VỞ BÀI HỌC)

1. Kiến thức

- Nắm cách tả người, hình thức, bố cục của đoạn văn, một bài văn tả người.

2. Kỹ năng

- Quan sát, lựa chọn, trình bày khi viết bài văn tả người.

3. Thái độ

- Có thái độ học tập đúng đắn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC (PHẦN GHI VÀO VỞ BÀI HỌC)

I. Tìm hiểu bài

1. PHƯƠNG PHÁP VIẾT MỘT ĐOẠN VĂN, BÀI VĂN TẢ NGƯỜI

a. VD: SGK/59, 60, 61

* **Đoạn 1:** Tả dựng Hương Thư - người chèo thuyền vượt thác: khỏe mạnh, oai phong, dũng mãnh, hiền lành.

* **Đoạn 2:** Tả chân dung Cai Tứ: gầy nhỏ, quí quyết, xảo trá.

* **Đoạn 3:** Tả hình ảnh hai người trong keo vật.

- Mở bài: giới thiệu chung về quang cảnh nơi diễn ra keo vật.

- Thân bài: miêu tả chi tiết keo vật.

- Kết bài: nêu cảm nghĩ và nhận xét về keo vật.

b. Ghi nhớ:

SGK/61

II. LUYỆN TẬP:

- Làm BT 1, 2, 3/62

C. BÀI TẬP Củng cố:

Câu 1: Viết một đoạn văn (5 – câu) miêu tả người bạn thân của em.

Câu 2: Lập dàn ý miêu tả người thầy (cô) mà em yêu quý nhất.

Câu 3. Phần mở bài của bài văn miêu tả người sẽ thực hiện điều gì?

- A. Giới thiệu đối tượng được tả
- B. Miêu tả chi tiết về ngoại hình, cử chỉ, hành động, lời nói
- C. Thường nhận xét hoặc nêu cảm nghĩ của người viết về người được tả
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 4. Chi tiết nào sau đây không phù hợp để miêu tả một em bé chừng 4 - 5 tuổi

- A. Khuôn mặt bầu bĩnh
- B. Đôi mắt đen, luôn mở to
- C. Mái tóc dài duyên dáng, thướt tha
- D. Dáng vẻ tinh nghịch, nhanh nhẹn

Câu 5. Chi tiết nào sau đây không dùng để tả ông cụ?

- A. Râu, tóc bạc phơ
- B. Da nhăn nheo
- C. Dáng lom khom
- D. Bước đi nhanh nhẹn, uyển chuyển

Câu 6. Phần kết bài văn miêu tả về người thường là nhận xét hoặc nêu cảm nghĩ của người viết về người được tả, đúng hay sai?

- A. Đúng
- B. Sai